| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **269**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03/8/2024
*"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Mai Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Đỗ Thị Thanh

Ông Hoàng Sĩ Quang

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 277/2024/TLST-HNGĐ ngày 28/5/2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 310/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 219/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị O, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Dương T, sinh năm 1993; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương; Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Vũ Thị O trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Dương T được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện G, tỉnh

Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ chồng. Quá trình chung sống, chị và anh T thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân là do anh T không chung thủy với chị. Năm 2017, anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sau khi anh T đi được khoảng 01 năm thì chị về nhà bố mẹ đẻ ở. Tháng 10/2018, chị cũng sang Đài Loan làm việc. Thời gian đầu, vợ chồng chị vẫn thỉnh thoảng gặp nhau vào dịp cuối tuần. Tháng 5/2019, chị và anh T vẫn tiếp tục xảy ra cãi vã nên từ đó vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Tháng 9/2022, chị về Việt Nam sinh sống, còn anh T vẫn ở lại Đài Loan. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 07/5/2015. Hiện nay cháu M đang ở cùng bà nội là Nguyễn Thị Đ. Sau khi ly hôn, chị đề nghị giao con chung cho anh T nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh T mỗi tháng là 2.000.000đ, thời điểm cấp dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị O không cung cấp được địa chỉ của anh Nguyễn Dương T ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh T. Bà Nguyễn Thị Đ (là mẹ đẻ của anh T) đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh T vẫn thường xuyên liên lạc với bà qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết. Thông qua gia đình, anh T xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị O không chung thủy với anh nên chị O xin ly hôn, anh T đồng ý. Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 01 con chung như chị O trình bày. Khi ly hôn, anh T xin được nuôi con chung. Chị O tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con, anh T nhất trí. Trong thời gian ở nước ngoài, anh T nhờ bà Đ chăm sóc cháu Nguyễn Thị Thảo M, bà Đ đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa:* Chị O, bà Đ vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt. Bị đơn anh T vắng mặt không có lý do.

*Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và

Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị O được ly hôn anh Nguyễn Dương T. Về con chung: Giao cho anh T được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 07/5/2015 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tạm giao cháu M cho bà Nguyễn Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam. Chị O có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000đồng/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về án phí: Chị O phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Nguyễn Dương T hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị O không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Đài Loan. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị O và gia đình anh T cung cấp địa chỉ, nhưng chị O và gia đình anh T không cung cấp được. Bà Nguyễn Thị Đ là mẹ đẻ anh T xác định anh T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, bà đã thông báo về việc chị O có đơn xin ly hôn, anh T không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[1.3] Tại phiên tòa, chị O, bà Đ vắng mặt, có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị O và anh Nguyễn Dương T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương

vào ngày 03/12/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị O và anh T đều xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Từ tháng 5/2019 đến nay, vợ chồng không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay chị O có đơn xin ly hôn, anh T đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị O và anh T đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận cho chị O được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị O và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 07/5/2015. Hiện cháu M đang ở cùng bà nội là Nguyễn Thị Đ. Sau khi ly hôn, chị O và anh T thống nhất giao cháu M cho anh T nuôi dưỡng, cháu M có quan điểm ở cùng bố và bà nội. Trong thời gian ở nước ngoài, anh T nhờ bà Đ chăm sóc cháu M cho đến khi anh T về Việt Nam, bà Đ đồng ý. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận sự thỏa thuận này. Chị O tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000đồng/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị O ly hôn anh Nguyễn Dương T.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Dương T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 07/5/2015 kể từ

tháng 08/2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tạm giao cháu M cho bà Nguyễn Thị Đ nuôi dưỡng trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam. Chị O có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000đồng/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu chị O chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị O phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0000739 ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị O đã nộp đủ án phí.

Chị O phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con. Chị O chưa nộp.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GĐ&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Mai Hoa**